

Số: /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 18-10/CV ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hòa Bình và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3930/TTr-CCBVMT ngày 22 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hòa Bình, địa chỉ trụ sở chính tại số 69/7A, đường 138, khu phố 2, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác cát Mỏ cát xây dựng suối nhánh 5-2, hồ Dầu Tiếng tại xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Mỏ cát xây dựng suối nhánh 5-2, hồ Dầu Tiếng.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0309749884 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2010 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29 tháng 3 năm 2021.

1.4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 83/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.5. Giấy phép khai thác khoáng sản số 24/GP-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2024 điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Giấy phép số 24/GP-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Thời hạn khai thác 8 năm, kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2021.

1.6. Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 379/GP-TCTL-ATĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Tổng Cục thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Thời hạn 5 năm, kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2021.

1.7. Mã số thuế: 0309749884.

1.8. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản (*cát xây dựng*).

1.9. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở: Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 24/GP-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương thì diện tích khu vực khai thác là 30 ha với công suất khai thác là 80.000 m³ nguyên khối/năm.

- Mỏ cát xây dựng suối nhánh 5-2, hồ Dầu Tiếng có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm C theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.

- Mỏ cát xây dựng suối nhánh 5-2, hồ Dầu Tiếng có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý của bãi tập kết cát ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hòa Bình:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hòa Bình có trách nhiệm:

2.1. Công ty phải thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý liên quan về đất đai, khoáng sản, xây dựng và các quy định pháp luật liên quan trước khi thực hiện khai thác cát.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **01 năm 09 tháng 26 ngày.**

(Từ ngày.... tháng năm 2024 đến ngày 17 tháng 8 năm 2026, theo Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 379/GP-TCTL-ATĐ của Tổng Cục thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn bản đề nghị số 18-10/CV ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hòa Bình).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Mô cát xây dựng suối nhánh 5-2, hồ Dầu Tiếng tại xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh

Bình Dương của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hòa Bình theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH TMDV Vận tải Hòa Bình;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Minh Hòa;
- Cổng thông tin điện tử Sở STNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, ThHa8.

GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tàu khai thác cát với lưu lượng khoảng $0,32 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (*chuyển giao đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nên không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải*).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà điều hành với lưu lượng khoảng $0,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (*chuyển giao đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nên không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải*).

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh bánh xe ra vào chở cát với lưu lượng phát sinh khoảng $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (*tuần hoàn tái sử dụng nên không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải*).

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ bãi chứa cát với lưu lượng phát sinh khoảng $1.223 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối nhánh 5-2 hồ Dầu Tiếng, thuộc xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Một điểm xả tại Hồ Dầu Tiếng thuộc xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°*): $X = 1.267.614$; $Y = 572.595$.

- Điểm xả nước thải ra Suối nhánh 5-2 hồ Dầu Tiếng có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $1.223 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải phát sinh từ bãi chứa cát sau xử lý theo đường ống nhựa PVC đường kính D220mm, dài 40m chảy vào hồ Dầu Tiếng.

- Hình thức xả: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$; cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	1.223	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	6-9		
3	TSS	mg/l	45		
4	COD	mg/l	67,5		
5	BOD ₅	mg/l	27		
6	Sắt (Fe)	mg/l	0,9		
7	Cadimi	mg/l	0,045		
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		
9	Kẽm (Zn)	mg/l	2,7		
10	Tổng Nitơ	mg/l	18		
11	Tổng Phốtpho (tính theo P)	mg/l	3,6		
12	Sunfua	mg/l	0,18		
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
14	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tàu khai thác cát được thu gom bằng đường ống dẫn cao su mềm đường kính 110mm, dài 25m tự chảy về lưu chứa tại Cụm bồn nhựa composite với tổng dung tích 12m³ (03 bồn, dung tích 4m³/bồn); định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà điều hành được thu gom, xử lý qua 01 bể tự hoại 03 ngăn (dung tích 13,7 m³, có chống thấm), sau đó theo đường ống nhựa PVC đường kính 110mm, dài 1m tự chảy về lưu chứa tại Cụm bồn nhựa composite với tổng dung tích 12m³ (03 bồn, dung tích 4m³/bồn); định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh bánh xe ra vào chở cát được thu gom về hồ lắng (dung tích 15 m³), sau đó được tuần hoàn tái sử dụng không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ bãi chứa cát theo mương hở có kích thước rộng 2-3m, sâu 0,5m và dài 30m, tự chảy về công trình xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh từ bãi chứa cát => Hồ lắng 1 => Hồ lắng 2 => Hồ lắng 3 => Thải ra môi trường (hồ Dầu Tiếng).

- Công suất thiết kế:

+ Hồ lắng 1: dung tích chứa 2.925 m³.

+ Hồ lắng 2: dung tích chứa 2.633 m³.

+ Hồ lắng 3: dung tích chứa 2.340 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đối với sự cố tắc, bể đường ống thu gom nước thải sinh hoạt: Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; trường hợp xảy ra sự cố bể đường ống thu gom nước thải sinh hoạt, tiến hành ngưng hoạt động sinh hoạt của khu vực nhà vệ sinh để tiến hành thay thế đường ống mới, thông tắc đường ống.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải (cụm hồ lắng) xảy ra sự cố (nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn thải ra môi trường hoặc sạt lở, vỡ): ngưng ngay việc bơm hút cát lên bãi chứa để khắc phục sự cố; trường hợp vỡ cụm hồ lắng Công ty phải tạm ngưng hoạt động và tập trung nhân lực, thiết bị để gia cố, khắc phục cụm hồ lắng đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành. Sau khi khắc phục

xong mới tiến hành bơm cát lên bãi chứa và nước thải được thu gom, xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát theo dõi hoạt động của mương thoát nước, các hồ lắng để có biện pháp gia cố, khắc phục kịp thời, đồng thời có biện pháp khơi thông dòng chảy tránh tắc nghẽn.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các đường ống thu gom, hồ lắng và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét phòng ngừa tắc nghẽn hệ thống thoát nước vào ngày mưa.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng trường hợp sự cố vượt quá khả năng ứng phó để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường (hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý).

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, máy móc, thiết bị,... để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh tại khu vực khai trường khai thác do hoạt động của thiết bị máy móc, phương tiện và vận chuyển cát từ khai trường về bãi tập kết cát và đi tiêu thụ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Khu vực trung tâm khai trường (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiếu 3°): X: 1.267.948 ; Y: 572.740.

- Khu vực trung tâm bãi tập kết cát (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiếu 3°): X = 1.267.593; Y = 572.512.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Thường xuyên, kiểm tra, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị tại mỏ đúng theo quy trình về kiểm định máy móc thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định, giảm thiểu tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh
thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	10
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	NH	Lỏng	100
3	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	NH	Rắn	150
4	Hộp chứa mực in	08 02 04	KS	Rắn	15
5	Bao bì kim loại cứng	18 01 02	KS	Rắn	50
6	Bao bì nhựa cứng (chứa chất có thành phần nguy hại) thải	18 01 03	KS	Rắn	50
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	20
TỔNG KHỐI LƯỢNG					395

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn cát nạo vét từ các hồ lắng, máng rửa bánh xe không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	20.000
2	Sắt thép phế liệu thải không nhiễm chất nguy hại (<i>linh kiện của máy bơm</i>)	Rắn	5.000
TỔNG KHỐI LƯỢNG			25.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân bao gồm: rác hữu cơ (*rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...*), rác thải vô cơ (*bao nilon, vỏ lon, thủy tinh,...*) với khối lượng khoảng 2.700 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: 05 thùng phuy bằng sắt loại 200 lít, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho dạng container có kết cấu bằng thép, nền kho bằng thép kín, khít; đảm bảo chống rò rỉ, thấm thấu. Kho được đặt trên nền đế bê tông cao hơn xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô*)... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: không có.

2.2.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có nền bê tông chống thấm, mái che tôn, có bảng báo.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa chất thải: 06 thùng nhựa HDPE 120 lít, có nắp đậy bố trí trên các tàu hút và tại khu vực văn phòng.

- Vị trí tập kết thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt: bố trí khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt trong khuôn viên khu vực văn phòng, đặt gần cổng ra vào khu nhà điều hành.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa, Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Dầu Tiếng và Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa nơi xảy ra sự cố, Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Dầu Tiếng và Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2024.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường chính

- Khu vực khai trường khai thác:

- + Đóng cọc tre phòng ngừa sự cố sạt lở bờ;
- + Gia cố nền khu vực đoạn bờ đóng cọc tre;
- + Công tác khắc phục sự cố khi xảy ra sạt lở;
- + Di dời các thiết bị khai thác lên bờ, rút các ống hút cát ra khỏi khai trường;
- + Dò tìm, thu dọn các chương ngại lòng hồ tại khu vực khai thác (Trục vớt toàn bộ phao, xích, rùa, máy móc thiết bị phục vụ khai thác);
- + Đo vẽ địa hình đáy sông đoạn thuộc khu vực khai thác;
- + Quan trắc, đánh giá chất lượng nước mặt, bùn đáy.

- Khu vực văn phòng và khu phụ trợ:

- + Tháo dỡ các công trình dân dụng, phụ trợ;
- + Di dời thiết bị, vật tư ra khỏi khu vực dự án;
- + San gạt, cải tạo mặt bằng khu vực văn phòng sau tháo dỡ;
- + Trồng cây xanh trên diện tích khu văn phòng, tỷ lệ trồng dặm 30%.

- Khu vực bãi chứa cát:

- + Trồng cây xanh xung quanh khu vực bãi chứa, tỷ lệ trồng dặm 30%;
- + Tạo mương thoát nước (rộng trên 1m, rộng dưới 0,5m, chiều sâu 0,5m, chiều dài mương 670m);
- + San lấp hồ lắng và mương thoát nước sau khi kết thúc khai thác;
- + San gạt, cải tạo mặt bằng khu bãi chứa cát;
- + Trồng cây xanh khu vực bãi tập kết với diện tích 30.000 m² tỷ lệ trồng dặm 30%;
- + Quan trắc chất lượng môi trường không khí, đất tại khu vực bãi tập kết.

- **Cải tạo, phục hồi môi trường đường vận chuyển:** Duy tu, cải tạo tuyến đường vào khu vực bãi tập kết: tuyến đường từ bãi tập kết ra đường ĐT749B: chiều dài 2.500m, rộng trung bình 8m, mặt đường đã lèn ép 6cm, chất liệu: đá 4x6 chèn đá dăm.

2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và số tiền ký quỹ

- Bảng tiến độ và chi phí xây dựng cải tạo, phục hồi môi trường như sau:

TT	Công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện
A	CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ THỰC HIỆN			
I	Cải tạo khu vực bãi chứa và khu văn phòng phụ trợ			
1	Trồng cây xanh xung quanh bãi chứa	Cây	176	Đã hoàn thành
2	Tạo mương dẫn nước và thoát nước bãi chứa	m	300	Đã hoàn thành
3	Khối lượng thực hiện đào	m ³	112,5	
B	CÁC CÔNG TRÌNH TIẾP TỤC THỰC HIỆN			
I	Giai đoạn 1 (trong thời gian khai thác)			
1	Cải tạo khu vực khai trường			
1.1	Công tác đóng cọc tre phòng ngừa sự cố sạt lở bờ	m	1.158	Năm 2024 – kết thúc khai thác
-	Cọc tre loại 2,5m/cọc	cọc	2.316	
-	Số mét cọc cần ép	m	5.790	
1.2	Gia cố nền đường bờ			Năm 2024 – kết thúc khai thác
-	Xúc và vận chuyển đất đến nơi thi công	m ³	579	
-	San đầm, gia cố nền đất	m ³	579	
1.3	Công tác phòng ngừa, khắc phục sự cố khi xảy ra sạt lở			Năm 2024 – kết thúc khai thác
-	Số mét cọc cần ép	m	1.737	
-	Khối lượng đất gia cố	m ³	173,7	
2	Cải tạo khu vực bãi chứa			
2.1	Trồng cây xanh xung quanh bãi chứa	cây	544	Năm 2024 – kết thúc khai thác
2.2	Tạo mương dẫn nước và thoát	m	370	Năm 2024 –

TT	Công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện
	nước bãi chứa			kết thúc khai thác
	Khối lượng thực hiện đào	m ³	138,75	
II	Giai đoạn 2			
1	Cải tạo khu vực khai trường			
1.1	Di dời thiết bị khai thác ra khỏi khu vực dự án	Tấn	52	Sau khi kết thúc khai thác
1.2	Dò tìm, thu dọn các chướng ngại lòng hồ tại khu vực khai thác	Phao	4	Sau khi kết thúc khai thác
1.3	Đo vẽ địa hình đáy diện tích khai thác	ha	36	Sau khi kết thúc khai thác
2	Cải tạo khu vực văn phòng			
2.1	Công tác tháo dỡ, phá bỏ các công trình phụ trợ			Sau khi kết thúc khai thác
-	Phá dỡ mái tole	m ²	100	
-	Tháo dỡ sắt thép	tấn	4,75	
-	Phá dỡ nền	m ²	10	
-	Phá dỡ cột bê tông	m ³	0,5	
-	Phá bỏ nền móng	m ³	1	
-	Tháo dỡ thiết bị	tấn	4	
2.2	Vận chuyển các thiết bị sau tháo dỡ ra khỏi dự án	Tấn	100	Sau khi kết thúc khai thác
2.3	San gạt, cải tạo mặt bằng	m ³	159	Sau khi kết thúc khai thác
2.4	Trồng cây xanh trên khu vực văn phòng	cây	459	Sau khi kết thúc khai thác
3	Cải tạo khu vực bãi chứa cát			

TT	Công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện
3.1	San lấp hồ lắng và mương thoát nước	m ³	8.196,38	Sau khi kết thúc khai thác
3.2	San gạt, cải tạo mặt bằng	m ³	9.000	Sau khi kết thúc khai thác
3.3	Trồng cây xanh trên diện tích bãi chứa	cây	25.974	Sau khi kết thúc khai thác
4	Công tác bổ sung khác (Duy tu tuyến đường vận chuyển ngoài dự án)	m ²	4.000	Sau khi kết thúc khai thác
5	Quan trắc chất lượng môi trường khu vực cải tạo, PHMT	Đợt	2	Sau khi kết thúc khai thác

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo Quyết định số 83/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư khai thác xây dựng suối nhánh 5-2, lòng hồ Dầu Tiếng, công suất khai thác 80.000m³/năm (*nguyên khối*) tại xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải Hòa Bình là 1.863.698.879 đồng với số lần thực hiện ký quỹ là 8 lần.

- Đến năm 2024, Công ty đã thực hiện ký quỹ 4 lần với tổng số tiền là 1.144.044.710 đồng (*trong đó số tiền ký quỹ theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là 1.064.970.789 đồng, số tiền tính theo yếu tố trượt giá là 79.073.921 đồng*).

- Tổng số tiền còn lại phải thực hiện ký quỹ chưa bao gồm yếu tố trượt giá là: 798.728.090 đồng.

- Số lần còn lại phải thực hiện ký quỹ: 2 lần

- Số tiền ký quỹ mỗi lần từ lần thứ 5 tới lần thứ 6 chưa bao gồm yếu tố trượt giá của các năm tiếp theo là: 399.364.045 đồng.

- Thời điểm ký quỹ: việc ký quỹ thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và quan trắc trong quá trình khai thác.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung cải tạo phục hồi môi trường trong thời gian khai thác và sau khi kết thúc khai thác theo đúng tiến độ tại Phần A Phụ lục này.

- Tuân thủ thực hiện đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực về thông tin, số liệu, tài liệu của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan có thẩm quyền cho phép, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

4. Thường xuyên thực hiện các giải pháp giám sát, theo dõi diễn biến lòng hồ để phòng ngừa các hiện tượng dịch chuyển, sạt lở đường bờ; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng dịch chuyển, sạt lở đường bờ dừng ngay hoạt động khai thác, báo cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

5. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố, đảm bảo an toàn cho người, máy móc, thiết bị, các công trình và môi trường xung quanh, tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước, khoáng sản, đất đai và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của cơ sở.

6. Trồng và chăm sóc thường xuyên cây xanh để hạn chế sự phát tán bụi và điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan.

7. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình khai thác; thực hiện các công tác hỗ trợ cho người dân sống gần khu mỏ, đảm bảo an ninh trật tự.

8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, khoáng sản và đất đai./.